

Bản án số: 87/2026/HS-PT
Ngày 07 tháng 7 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Toàn.

Các thẩm phán: Ông Đặng Minh Tuấn.

Bà Nguyễn Thị Thuỷ.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Quỳnh Chi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:
Ông Nông Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 53/2026/TLPT-HS ngày 21/4/2026 do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị hại (T2) đối với bản án hình sự sơ thẩm số 76/2026/HS-ST ngày 13/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Thái Nguyên. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2026/QĐXXPT-HS ngày 28/5/2026.

*** Bị cáo bị kháng cáo: Dương Văn N** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1990; số CCCD: 019090005483; Nơi cư trú: xóm T, xã T, tỉnh Thái Nguyên; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Dương Đình B và bà Lương Thị D; có vợ là Trần Thị Huyền T; có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, trước đó không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

*** Bị hại kháng cáo:**

1. Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1983 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại T1: Chị Mai Thị Thanh N1, sinh năm 1985; Nơi cư trú: xóm N, xã T, tỉnh Thái Nguyên. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Trần Minh T2, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Tổ I, phường Q, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của anh T2: Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Tổ I, phường Q, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Ngô Thị M, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Tổ I, phường Q, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

2. Bà Dương Thị M1, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Tổ A, phường P, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

3. Anh Ngô Mạnh C, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Tổ C, phường G, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

4. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1981; Nơi cư trú: xóm Đ, xã T, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Dương Thị M1, sinh năm 1974; HKTT: Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên là chủ hộ kinh doanh sản xuất bê tông, dịch vụ bơm bê tông thương phẩm, mua bán bê tông..(có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 17A80033185 cấp ngày 06/10/2016), ký hợp đồng thuê xe bơm bê tông BKS: 20C - 007.87 của Công ty cổ phần X từ ngày 01/6/2025 đến ngày 31/12/2025. Sau đó bà M1 ký hợp đồng thuê anh Ngô Mạnh C, sinh năm 1979, HKTT: T, phường C, thành phố T làm lái xe và Dương Văn N làm công nhân kỹ thuật vận hành bơm bê tông (có Chứng chỉ sơ cấp vận hành bơm bê tông).

Khoảng tháng 4/2025, ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1957; HKTT: xóm N, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên chuẩn bị xây dựng công trình nhà ở của gia đình tại xóm N, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Nay là: xóm N, xã T, tỉnh Thái Nguyên) nên có thuê một nhóm thợ xây để xây dựng căn nhà trên, trong đó có anh Nguyễn Văn L sinh năm 1981; Nơi cư trú: xóm Đ, xã T, thành phố T (Nay là: xóm Đ, xã T, tỉnh Thái Nguyên) là người đại diện cho nhóm thợ xây trên. Qua thỏa thuận, ông T4 sẽ trả cho nhóm thợ xây trên tiền thi công căn nhà là 1.100.000 đồng/m² thông qua anh L, sau đó anh L có trách nhiệm chăm công, trả tiền lương cho các thợ xây và hưởng 5% tiền trách nhiệm của công trình. Quá trình thi công, nhóm thợ xây trên tự trang bị trang thiết bị, đồ dùng phục vụ việc xây dựng.

Ngày 16/5/2025, sau khi xin được giấy phép xây dựng của Ủy ban nhân dân thành phố T (cũ), ông T4 đã tiến hành khởi công xây dựng căn nhà trên. Đến ngày 26/6/2025, thi công đổ mái bê tông tầng 1 nên ông T4 có thuê bà Dương Thị M1 để đổ bê tông. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 26/06/2025, anh Ngô Mạnh C điều khiển xe ô tô bơm bê tông biển số 20C-007.87 chở công nhân vận hành máy bơm bê tông là Dương Văn N đến nơi thi công công trình xây dựng nhà ở của gia đình ông T4. Đến nơi, N là công nhân kỹ thuật vận hành bơm bê tông đã xuống xe rồi bảo ông C điều khiển xe vào vị trí đường bê tông dân sinh cách công trình khoảng 15 mét do N lựa chọn để thuận tiện vận hành máy bơm.

Sau đó, N có kiểm tra qua nền đất nền tại khu vực trên để chuẩn bị chọn làm điểm đặt các chân chống chịu lực của máy bơm bê tông trên. N điều khiển 04 chân chống chịu lực của xe ra 04 hướng, rồi điều khiển các chân chống lên xuống để kiểm tra nhưng thấy không bị sụt lún. Cho rằng nền đất cứng vững đủ an toàn không bị sụt lún, nên N cầm theo hộp điều khiển cần bơm bê tông (*loại điều khiển từ xa*) đi lên vị trí sàn đổ bê tông, anh C ở dưới phụ giúp N hướng dẫn xe chở bê tông lùi vào vị trí đổ bê tông lên máng chứa bê tông trên xe bơm, sau đó N điều khiển cần thủy lực di chuyển đến các vị trí cần đổ bê tông. Lúc này, trên sàn đổ bê tông có khoảng 06 đến 07 thợ xây là nam giới. Khi cần bơm bê tông bắt đầu hoạt động, N là người điều khiển vòi bơm bê tông còn 02 thợ xây là anh Phạm Văn T1 sinh năm 1983; Nơi cư trú xóm N, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là xóm N, xã T, tỉnh Thái Nguyên) và anh Trần Minh T2 sinh năm 1984; Nơi cư trú tổ I, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là tổ I, phường Q, tỉnh Thái Nguyên) ôm đầu vòi cao su gắn đầu thủy lực bằng kim loại để điều khiển bê tông phun ra các vị trí xung quanh cho các thợ xây khác san, gạt bê tông lấp đầy các vị trí trên mái cần đổ. Khi máy bơm bê tông trên vận hành được khoảng 10 phút, thì nền đất tại vị trí đặt 02 chân chống thủy lực bên trái xe ô tô bị sụt lún sâu 0,8 mét khiến đầu cần thủy lực bằng kim loại gắn đầu vòi phun bê tông đổ sập theo chiều từ trên xuống dưới và đập trúng vào phần đầu anh T1 và anh T2 khiến cả hai ngã ra sàn thương tích nặng. Sau đó, mọi người xung quanh đã đưa anh T1 và anh T2 đến Bệnh viện A Thái N2 cấp cứu và trình báo sự việc đến Cơ quan Công an giải quyết theo quy định.

Hậu quả: Anh Phạm Văn T1 bị thương tích nặng tại vùng đầu, tử vong tại Bệnh viện A; Anh Trần Minh T2 bị thương tích nặng: Vỡ đốt sống cổ, liệt tủy hoàn toàn sau đó được chuyển đến Bệnh viện H tiếp tục cấp cứu, điều trị đến ngày 01/7/2025 ra viện.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định như sau:

- Hiện trường xảy ra vụ việc tai nạn lao động tại khu vực đất đang xây dựng của nhà ông Nguyễn Văn T4 thuộc xóm N, xã T, thành phố T (nay là xã T), tỉnh Thái Nguyên. Khu vực đang xây dựng nhà ông T4 diện tích khoảng 180m², đang đổ mái tầng 1 cao 3,9m. Trên tầng 1 ở mái có các thanh kim loại được buộc vào với nhau bằng dây kim loại, mái đã được đổ bê tông.

- Tại đường dân sinh, có đỗ 01 xe ô tô bơm bê tông BKS: 20C-007.87. Đầu xe quay hướng T, đuôi xe quay hướng Đ, xe kênh lên nghiêng sang bên trái. Hai hàng bánh lốp sau cùng bên phải nghiêng cao cách mặt đường 18cm. Trụ đỡ phía sau bên phải nghiêng cao cách mặt đường là 57cm. Trụ đỡ phía trước bên phải nghiêng cao cách mặt đường 50cm. Bên dưới trụ đỡ phía trước bên phải có 01 tấm nhựa chịu lực kích thước 50×50×5 cm. Trụ phía sau bên trái sụt lún xuống đất, tạo thành hố đất bị lún kích thước 55×75 cm và có chiều từ trên xuống dưới, từ trái qua phải. Hố sụt lún sâu 1,5m. Trụ đỡ phía trước bên phải bị sụt lún xuống đất tạo thành hố có kích thước 65×70 cm có chiều từ trên xuống dưới, từ phải qua trái. Hố sụt lún sâu 0,8m. Tại hai vị trí sụt lún đều có tấm nhựa chịu lực kích thước 50×50×5 cm.

- Đo từ vị trí sụt lún của trụ đỡ phía trước bên trái cách trục bánh xe phía trước là 3,2m cách mép cổng bên trái từ ngoài nhìn vào nhà ông Nguyễn Văn C1 là 5,8m ký hiệu (1). Đo từ hố sụt lún của trụ đỡ phía sau bên trái cách vị trí (1) là 7,8m. Cách trục bánh lốp hàng sau cùng bên trái là 3,15m ký hiệu (2).

- 04 trụ đỡ của xe bơm bê tông có vòng đo là 53cm.

- Trên xe ô tô có máy hút và bơm bê tông. Cần bơm bê tông dài 43m. Cần bơm bê tông được đưa từ vị trí ô tô đến mái nhà tầng 1 của nhà ông T4.

- Toàn bộ phần phía trước nhà và vị trí trụ đỡ bên trái bị sụt lún là khu vực đất mềm

- Trên mái nhà tầng 1 của nhà ông T4 có 01 vùng sập lún dầm thép kích thước 1,7x1,25m. Đầu cần bơm bê tông được chống xuống dầm thép, ống bơm bê tông có vòng đo là 42cm. Cần đỡ ống xả bê tông có kích thước 12x11cm, đầu ống xả bê tông có 01 đoạn uốn cong dài 82cm. Đo từ vị trí sập lún dầm thép cách tường phía Tây là 3m và nằm sát mép tường phía Nam ký hiệu (3).

- Trên mái nhà tầng 1 cách vị trí (3) là 2,3m cách tường phía Nam là 0,8m phát hiện dấu vết màu nâu đỏ khô kích thước 8x3cm ký hiệu (4).

** Tại kết luận giám định tử thi số 26/KLGĐTT-KTHS ngày 21/7/2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận nguyên nhân chết của anh Phạm Văn T1:*

1. Các kết quả chính: Vùng đỉnh phải cách gốc tai trái 17cm có vết dập rách da cơ kích thước 4cm x 1cm xung quanh có khối nề. Tổ chức da cơ vùng đỉnh bị tụ máu xương nền sọ, vỡ xương trán. Tụ máu ngoài màng cứng và dưới màng cứng bán cầu não. Trật đứt sống cổ số 5. Trật khớp háng phải.

2. Kết luận: Phạm Văn T1, sinh năm 1983, nơi đăng ký HKTT xã T, phố T, tỉnh Thái Nguyên bị đa chấn thương: trật đứt sống cổ, chấn thương sọ não, vỡ xương hộp sọ, tụ máu trong hộp sọ, tổn thương thần kinh trung ương dẫn đến chết.

** Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 599/KLTTCT-TTPY ngày 12/9/2025 của Trung tâm pháp y sở Y đối với anh Trần Minh T2, kết luận:*

1. Các kết quả chính: Chấn thương cột sống cổ gây di chứng liệt tứ chi mức độ nặng. Hiện tại có 01 sẹo mở khí quản và 02 sẹo phần mềm kích thước trung bình.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số: 22/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y1 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Minh T2 tại thời điểm giám định là: 93% (*chín mươi ba phần trăm*), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Cơ chế hình thành thương tích: Do tác động của vật tày.

Tại Công văn số 2391/SNV-ĐĐTTLNLD ngày 01/10/2025 của Đoàn điều tra tai nạn lao động Sở nội vụ tỉnh Y về việc phối hợp điều tra tai nạn lao động xác định: Kết quả điều tra ban đầu, đánh giá về nguyên nhân trực tiếp vụ tai nạn

là do lỗi của ông Dương Văn N không đánh giá đầy đủ, chính xác các yếu tố nguy hiểm, độ không chắc chắn của nền đất tại vị trí đổ cố định xe bơm bê tông để có biện pháp phòng, chống phù hợp theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động. Dẫn đến, khi xe bơm vận hành tạo lực không đồng đều lên 04 chân thủy lực, 02 chân thủy lực bên trái chống xuống nền đất yếu, không đảm bảo an toàn bị lún, làm cho xe bơm bị nghiêng khiến đầu cần bơm bằng kim loại gắn với đầu vòi phun bê tông bằng cao su đổ nghiêng theo hướng từ trên xuống dưới đập trúng đầu của ông Phạm Văn T1 và ông Trần Minh T2 gây tai nạn. Vụ tai nạn đối với ông Phạm Văn T1 và ông Trần Minh T2 xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động, nên được xác định là tai nạn lao động.

Tại Cơ quan điều tra, Dương Văn N khai nhận toàn bộ nội dung sự việc như nêu trên. Theo N khai nhận bản thân N đã được đào tạo và cấp chứng chỉ vận hành cần bơm bê tông theo quy định. Tuy nhiên do chủ quan, trước khi đặt 04 chân chống thủy lực ra nền đất đã không kiểm tra kỹ lưỡng bằng việc đào xuống để kiểm tra việc sụt lún nên đã không đánh giá đầy đủ, chính xác các yếu tố nguy hiểm và độ chắc chắn của nền đất tại vị trí đổ cố định xe bơm bê tông khiến 02 chân chống thủy lực bên trái bị sụt lún, làm cần thủy lực bằng kim loại gắn đầu vòi phun bê tông đổ sập theo chiều từ trên xuống dưới gây tai nạn lao động. Dẫn đến hậu quả, anh Phạm Văn T1 tử vong và anh Trần Minh T2 bị thương tích như nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với bị hại anh Phạm Văn T1: Quá trình điều tra bà Dương Thị M1 đã hỗ trợ; bị cáo Dương Văn N đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bà Mai Thị Thanh N1 (là đại diện của bị hại T1) tổng số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), bà N1 xác định đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường thêm và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

- Đối với bị hại anh Trần Minh T2: Quá trình điều tra bà Dương Thị M1 đã hỗ trợ; bị cáo Dương Văn N đã bồi thường thiệt hại sức khỏe cho đại diện của bị hại anh Trần Minh T2 số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị T3 là người đại diện cho anh T2 yêu cầu bị cáo N phải tiếp tục bồi thường số tiền 2.250.000.000 đồng bao gồm: Chi phí điều trị, chi phí sinh hoạt của anh T2, chi phí nuôi 02 con nhỏ, chi phí cho người chăm sóc anh T2.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, đại diện gia đình anh T2 yêu cầu bị cáo Dương Văn N phải bồi thường tổng số tiền là 1.350.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo N không chấp nhận mức bồi thường trên. Sau đó hai bên thống nhất thỏa thuận mức bồi thường (*gồm chi phí điều trị, thiệt hại sức khỏe...*) theo quy định của pháp luật và hàng tháng bị cáo N phải hỗ trợ bồi thường 3.000.000 đồng cho đến khi anh Trần Minh T2 phục hồi sức khỏe.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 76/2026/HS-ST ngày 13/3/2026, Tòa án nhân dân khu vực 1- Thái Nguyên đã tuyên bố: Bị cáo Dương Văn N phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 295; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 48, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 30; 136, 299, 329, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 590, 591 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022; Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 về hướng dẫn áp dụng một số quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, xử phạt bị cáo Dương Văn N **24** (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **48** (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận việc bà Dương Thị M1 đã hỗ trợ; bị cáo Dương Văn N đã bồi thường tính mạng cho chị Mai Thị Thanh N1 là đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Văn T1 nhận tổng số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

- Ghi nhận việc bà Dương Thị M1 đã hỗ trợ; bị cáo Dương Văn N đã bồi thường thiệt hại sức khỏe cho chị Nguyễn Thị T3 là đại diện hợp pháp của bị hại anh Trần Minh T2 nhận tổng số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu) đồng.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Dương Văn N và chị Nguyễn Thị T3 là đại diện cho bị hại anh Trần Minh T2: Bị cáo N tiếp tục có trách nhiệm bồi thường cho bị hại là anh Trần Minh T2 là 350.429.570đ (ba trăm năm mươi triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi đồng).

- Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Dương Văn N và chị Nguyễn Thị T3 là đại diện hợp pháp của bị hại anh Trần Minh T2: Bị cáo Dương Văn N có trách nhiệm hỗ trợ, bồi thường chi phí cho việc chăm sóc bị hại anh Trần Minh T2 3.000.000đ (ba triệu) đồng/tháng, kể từ ngày tuyên bản án cho đến khi sức khỏe của bị hại anh Trần Minh T2 được phục hồi hoặc có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 26/3/2026, bị hại là anh Trần Minh T2 và người đại diện hợp pháp cho anh T2 là chị Nguyễn Thị T3 kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt và tăng mức bồi thường đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, chị Nguyễn Thị T3 là người đại diện hợp pháp cho bị hại anh Trần Minh T2 thay đổi nội dung kháng cáo: Rút yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo; chỉ yêu cầu bị cáo tăng mức bồi thường trách nhiệm dân sự với lý do:

- Từ sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình chị tiếp tục phải đưa anh T2 xuống bệnh viện H điều trị đến nay đã chi phí mất 150 triệu đồng.

- Với việc thuê người chăm sóc cho anh T2 tại thời điểm này phải trả 10 triệu đồng/ tháng mới thuê được. Tuy nhiên do hoàn cảnh của bị cáo khó khăn nên chị chỉ yêu cầu bị cáo hỗ trợ 7 triệu đồng/tháng.

Bị cáo Dương Văn N thừa nhận Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan, bị cáo không kháng cáo. Hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo sẽ cố gắng vay mượn để bồi thường cho gia đình anh Trần Minh T2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M2 trình bày: Từ khi tai nạn xảy ra, bà đã cùng bị cáo N cố gắng vay mượn để bồi thường cho các bị hại. Tại phiên toà hôm nay chị T3 đại diện cho gia đình bị hại T2 đưa ra mức bồi thường là 500 triệu đồng, đồng thời tăng mức trợ cấp cho anh T2 từ 3 triệu đồng lên 7 triệu đồng/tháng thì bà cũng nhất trí. Bà sẽ có trách nhiệm cùng bị cáo N thực hiện yêu cầu trên của gia đình bị hại T2.

Bị cáo N và chị Nguyễn Thị T3 là người đại diện hợp pháp cho bị hại Trần Minh T2 thống nhất thoả thuận như sau:

- Bị cáo Dương Văn N tiếp tục có trách nhiệm bồi thường cho bị hại anh Trần Minh T2 tổng số tiền là **500.000.000đ** (Năm trăm triệu đồng) làm 2 lần (Lần 1 sau 1 tháng kể từ ngày xét xử phúc thẩm, Lần 2 sau 5 tháng kể từ ngày xét xử phúc thẩm), cụ thể:

Lần 1: Ngày 07/8/2026, bồi thường số tiền 350.000.000đ.

Lần 2: ngày 07/12/2026, bồi thường số tiền 150.000.000đ.

- Bị cáo Dương Văn N có trách nhiệm hỗ trợ, bồi thường chi phí cho việc chăm sóc bị hại anh Trần Minh T2 số tiền là **7.000.000** (bảy triệu) đồng/tháng, kể từ ngày tuyên bản án phúc thẩm cho đến khi sức khỏe của bị hại anh Trần Minh T2 được phục hồi hoặc có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp cho bị hại T2 là chị Nguyễn Thị T3 đã thay đổi nội dung kháng cáo, rút yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo; Bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị hại T2 đã tự nguyện thống nhất thoả thuận về yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự. Việc thoả thuận trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T3 là người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Minh T2, sửa bản án sơ thẩm về yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự.

Tại phần tranh luận:

Bị cáo N và những người tham gia tố tụng không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, không có người tham gia tố tụng nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị T3 là người đại diện hợp pháp cho bị hại Trần Minh T2 được làm trong thời hạn luật định là hợp lệ, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T3 đã thay đổi nội dung kháng cáo, rút yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo; Chỉ yêu cầu bị cáo tăng mức bồi thường trách nhiệm dân sự.

[2]. Về nội dung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Dương Văn N và chị Nguyễn Thị T3 là người đại diện hợp pháp cho bị hại Trần Minh T2 tại phiên tòa phúc thẩm cụ thể như sau:

- Bị cáo Dương Văn N tiếp tục có trách nhiệm bồi thường cho bị hại là anh Trần Minh T2 tổng số tiền là **500.000.000đ** (*Năm trăm triệu đồng*), cụ thể:

Lần 1: Ngày 07/8/2026, bồi thường số tiền 350.000.000đ.

Lần 2: ngày 07/12/2026, bồi thường số tiền 150.000.000đ.

- Bị cáo Dương Văn N có trách nhiệm hỗ trợ, bồi thường chi phí cho việc chăm sóc bị hại anh Trần Minh T2 **7.000.000** (*bảy triệu*) đồng/tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm cho đến khi sức khỏe của bị hại anh Trần Minh T2 được phục hồi hoặc có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Do bị cáo chưa bồi thường ngay cho đại diện hợp pháp của bị hại nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự và Bộ luật dân sự để buộc bị cáo phải bồi thường theo như nội dung đã thỏa thuận.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của chị Nguyễn Thị T3 là đại diện hợp pháp của bị hại Trần Minh T2 được chấp nhận nên chị T3 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Do sửa phần bồi thường nên cần sửa phần án phí dân sự có giá ngạch.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp cho bị hại là chị Nguyễn Thị T3.

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 295; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 48, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 30; 136, 299, 329, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 590, 591, 357, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022; Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 về hướng dẫn áp dụng một số quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Dương Văn N **24** (*hai mươi bốn*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **48** (*bốn mươi tám*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Dương Văn N cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thái Nguyên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn giáo dục người được hưởng án treo, Công an xã T, tỉnh Thái Nguyên trực tiếp thực hiện việc giám sát người được hưởng án treo trong thời gian thử thách.

Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và chị Nguyễn Thị T3 là người đại diện hợp pháp cho bị hại Trần Minh T2 cụ thể như sau:

3.1. Bị cáo Dương Văn N tiếp tục có trách nhiệm bồi thường cho bị hại anh Trần Minh T2 tổng số tiền là **500.000.000đ** (*Năm trăm triệu đồng*) làm 2 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 07/8/2026, bồi thường số tiền 350.000.000đ.

Lần 2: Ngày 07/12/2026, bồi thường số tiền 150.000.000đ.

3.2. Bị cáo Dương Văn N có trách nhiệm hỗ trợ, bồi thường chi phí cho việc chăm sóc bị hại anh Trần Minh T2 số tiền là **7.000.000** (*bảy triệu*) đồng/tháng, kể từ ngày tuyên bản án phúc thẩm cho đến khi sức khỏe của bị hại anh Trần Minh T2 được phục hồi hoặc có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm

trả. Trường hợp không thỏa thuận được về lãi suất chậm trả thì được xác định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Án phí: Đại diện hợp pháp cho bị hại (T) là chị Nguyễn Thị T3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Dương Văn N phải chịu 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*) án phí dân sự có giá ngạch.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 76/2026/HS-ST ngày 13/3/2026, Tòa án nhân dân khu vực 1- Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Khu vực 1- Thái Nguyên;
- TAND Khu vực 1- Thái Nguyên;
- Các bị cáo;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Toàn